

Lam Sơn, ngày 27 tháng 04 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP .HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức : Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn  
- Mã chứng khoán: LSS  
- Địa chỉ trụ sở chính: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa  
- Điện thoại: 0237.899 66 67  
- Fax: 0237.3834 .092  
- Người thực hiện công bố thông tin: Lê Văn Tân  
Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố : Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn công bố Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất quý III niên độ tài chính từ 01/07/2022-30/06/2023, kèm giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh so với cùng kỳ.**

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27.../04/2023 tại đường dẫn : <http://www.lasuco.vn/>, <http://www.lasuco.com.vn/>,

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lê Văn Tân

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2023**

**ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2023**

**(NIÊN ĐỘ TỪ 01/07/2022 ĐẾN 30/06/2023)**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**



---

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	2 - 5
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6 - 7
3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
4. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 27

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III kết thúc ngày 31/03/2023 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.378.000.612.634</b>	<b>991.422.243.191</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>27.555.072.283</b>	<b>47.752.263.524</b>
1. Tiền	111		14.662.814.317	37.125.112.394
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.892.257.966	10.627.151.130
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>		
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	V.3		
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>260.947.135.609</b>	<b>292.654.642.079</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	129.258.703.280	163.532.861.082
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		145.451.277.575	129.324.542.268
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	20.224.604.368	32.610.817.343
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(33.987.449.614)	(32.813.578.614)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.066.878.069.767</b>	<b>640.740.569.057</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	1.071.816.520.931	646.571.170.219
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.7	(4.938.451.164)	(5.830.601.162)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>22.620.334.975</b>	<b>10.274.768.531</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	22.161.213.883	5.006.758.720
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		450.430.216	5.256.549.235
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	8.690.876	11.460.576
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III kết thúc ngày 31/03/2023 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023)

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.435.269.483.194</b>	<b>1.567.066.676.169</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.700.047.720</b>	<b>8.524.980.610</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216		5.722.547.720	8.547.480.610
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(22.500.000)	(22.500.000)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>962.246.169.161</b>	<b>1.115.504.945.847</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	915.438.324.648	1.067.032.333.836
<i>Nguyên giá</i>	222		2.987.511.280.132	2.982.860.420.621
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.072.072.955.484)	(1.915.828.086.785)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
<i>Nguyên giá</i>	225			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	46.807.844.513	48.472.612.011
<i>Nguyên giá</i>	228		52.258.456.172	52.258.456.172
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.450.611.659)	(3.785.844.161)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
<i>Nguyên giá</i>	231			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>386.534.044.740</b>	<b>354.251.561.243</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	386.534.044.740	354.251.561.243
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>35.849.806.274</b>	<b>36.251.145.800</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	6.251.145.800	6.251.145.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(401.339.526)	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.13	30.000.000.000	30.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>44.939.415.299</b>	<b>52.534.042.669</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	41.518.037.174	49.112.664.544
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		3.421.378.125	3.421.378.125
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
5. Lợi thế thương mại	269			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.813.270.095.828</b>	<b>2.558.488.919.360</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III kết thúc ngày 31/03/2023 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023)

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.171.833.801.933</b>	<b>923.045.994.647</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.098.620.611.123</b>	<b>847.763.640.635</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		140.939.435.720	106.474.188.037
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		200.726.158.929	17.711.753.768
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	3.964.410.165	26.360.414.585
4. Phải trả người lao động	314		20.558.462.906	21.597.656.649
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	68.517.700.571	51.456.259.609
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	45.093.809.853	37.497.162.513
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	612.247.696.002	582.451.382.208
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.572.936.977	4.214.823.266
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>73.213.190.810</b>	<b>75.282.354.012</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337		39.961.712.772	40.344.946.150
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	6.335.000.000	6.335.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		26.916.478.038	28.602.407.862

# CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III kết thúc ngày 31/03/2023 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023)

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.641.436.293.895</b>	<b>1.635.442.924.713</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.618.663.859.938</b>	<b>1.606.316.692.450</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	745.479.930.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		745.479.930.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	191.455.332.801	191.455.332.801
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.20		
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	599.425.354.251	595.170.023.237
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.20		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	52.975.643.027	91.991.983.572
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		38.240.657.449	47.492.699.126
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.734.985.578	44.499.284.446
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.20	29.327.599.859	27.699.352.840
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>22.772.433.957</b>	<b>29.126.232.263</b>
1. Nguồn kinh phí	431	V.21	1.476.035.502	4.828.535.477
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.21	21.296.398.455	24.297.696.786
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.813.270.095.828</b>	<b>2.558.488.919.360</b>

Lập ngày 26 tháng 04 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tú

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thanh Hà



Lê Văn Phương

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SON**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III kết thúc ngày 31/03/2023 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
QUÝ III KẾT THÚC NGÀY 31/03/2023**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01 đến 31/03		Lũy kế từ 01/07 đến 31/03	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	406.474.096.351	479.366.345.790	1.079.263.136.732	1.275.993.438.774
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.1		374.099.394		374.099.394
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	406.474.096.351	478.992.246.396	1.079.263.136.732	1.275.619.339.380
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	357.209.086.001	408.413.657.988	960.388.553.471	1.125.786.625.320
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49.265.010.350	70.578.588.408	118.874.583.261	149.832.714.060
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.329.434.692	1.202.177.255	4.747.335.982	4.648.130.986
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	10.527.461.871	5.964.175.147	21.052.898.240	14.103.599.337
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>8.181.284.064</i>	<i>2.286.305.194</i>	<i>17.589.018.619</i>	<i>6.998.728.936</i>
8 Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty liên kết	24					
9 Chi phí bán hàng	25	VI.5	17.120.874.633	35.500.044.450	44.684.397.394	65.199.621.648
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	14.215.385.490	19.477.458.144	40.377.735.433	47.626.328.388
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.730.723.048	10.839.087.922	17.506.888.176	27.551.295.673
12 Thu nhập khác	31		3.187.464.760	532.381	4.244.285.345	12.227.413
13 Chi phí khác	32		2.420.875.733	908.722.903	2.564.737.671	1.217.019.616
14 Lợi nhuận khác	40		766.589.027	(908.190.522)	1.679.547.674	(1.204.792.203)
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.497.312.075	9.930.897.400	19.186.435.850	26.346.503.470
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		698.775.439	2.741.848.758	2.823.203.253	5.504.644.963



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01 đến 31/03		Lũy kế từ 01/07 đến 31/03	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.798.536.636	7.189.048.642	16.363.232.597	20.841.858.507
19 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		7.071.251.957	5.827.830.939	14.734.985.578	19.526.685.329
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.727.284.679	1.361.217.703	1.628.247.019	1.315.173.178

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tú

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Lập ngày 26 tháng 04 năm 2023

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SON**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III kết thúc ngày 31/03/2023 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Giai đoạn từ 01/07/2022 đến 31/03/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 01/07 đến 31/03	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		19.186.435.850	26.346.503.470
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	2		154.908.337.866	160.865.423.949
- Các khoản dự phòng	3		497.603.192	9.823.063.304
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(3.950.924.332)	(1.603.782.756)
- Chi phí lãi vay	6		17.589.018.619	6.998.728.936
Các khoản điều chỉnh khác	7			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		188.230.471.195	202.429.936.903
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		58.364.648.320	37.365.318.680
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(425.245.350.712)	(521.550.165.995)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		203.800.773.664	305.399.035.196
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(9.559.827.793)	2.227.005.759
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(17.506.625.008)	(5.856.257.235)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.583.819.439)	(5.382.608.344)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		584.129.000	12.878.166.667
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.095.052.861)	(7.974.053.039)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(17.010.653.634)</b>	<b>19.536.378.592</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(36.933.343.008)	(68.490.608.644)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(22.257.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			4.137.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.950.924.332	1.603.782.756
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(32.982.418.676)</b>	<b>(85.006.825.888)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III kết thúc ngày 31/03/2023 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023)

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 01/07 đến 31/03	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			35.041.706.517
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		888.802.391.892	861.981.017.539
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(859.006.078.098)	(839.298.571.810)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(432.725)	(2.385.369.870)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>29.795.881.069</b>	<b>55.338.782.376</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(20.197.191.241)</b>	<b>(10.131.664.920)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>47.752.263.524</b>	<b>33.955.889.537</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>27.555.072.283</b>	<b>23.824.224.617</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tú

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Lập ngày 26 tháng 04 năm 2023

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

# CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III kết thúc ngày 31/03/2023 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chăn nuôi bò sữa, chế biến sữa, bò thịt, chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO<sub>2</sub> (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp.
- Công ty con:**

Đến thời điểm kết thúc niên độ tài chính được công bố ở đây Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn có 07 Công ty con. Tất cả các Công ty con đều được hợp nhất số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III của niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023. Danh sách các Công ty con, địa chỉ, quyền kiểm soát và tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ (%)
1. Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Xã Xuân Phú, Thọ Xuân, Thanh Hóa	90	43,59
2. Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	Thị trấn Sao Vàng, Thọ Xuân, Thanh Hóa	100	100
3. Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước	Thị trấn Cảnh Nàng, Huyện Bá Thước, Tỉnh Thanh Hóa	100	100
4. Công ty TNHH thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	Cụm CN Thị Trấn Vạn Hà, Quốc lộ 45, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	100	100
5. Công ty TNHH 1TV Thành An – Lam Sơn	Thôn Làng May, Thọ Xương, Thọ Xuân, Thanh Hóa.	100	100
6. Công ty TNHH nông nghiệp CNC mía đường Lam Sơn	Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa	100	100

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III kết thúc ngày 31/03/2023 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023)

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ (%)
7. Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn	Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa	100	100

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 466NQ/2015/ĐLS - ĐHĐCĐ ngày 03/08/2015 quyết nghị Chuyển đổi năm tài chính từ năm dương lịch (từ 01/01 - 31/12 hằng năm) sang áp dụng năm tài chính từ ngày 01/07 năm nay đến 30/06 năm sau. Niên độ tài chính 2022/2023 bắt đầu từ 01 tháng 07 năm 2022 đến 30 tháng 06 năm 2023.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP - Oracle Netsuite).

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính của tất cả các công ty con do công ty mẹ kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con khác là giống nhau.

# **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III kết thúc ngày 31/03/2023 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

---

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

## **1.1 Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Bảng cân đối kế toán của công ty mẹ và các công ty con theo từng khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục của Bảng cân đối kế toán không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất gồm:
  - + Các khoản đầu tư của công ty mẹ vào các công ty con;
  - + Lợi ích của cổ đông thiểu số;
  - + Các khoản phải thu, phải trả nội bộ giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn;
  - + Các khoản lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;
  - + Các khoản vốn góp liên doanh, liên kết điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

## **1.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:**

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty mẹ và của các công ty con trong tập đoàn theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.
- Đối với những khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm:
  - + Doanh thu, giá vốn hàng bán, lãi, lỗ nội bộ tập đoàn;
  - + Lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;
  - + Lợi ích của cổ đông thiểu số trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
  - + Thuế thu nhập doanh nghiệp.

## **1.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của công ty mẹ và các công ty con.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III kết thúc ngày 31/03/2023 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

---

### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được, Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

### **5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc và thiết bị	04 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 10

### **6. Tài sản cố định vô hình**

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III kết thúc ngày 31/03/2023 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

---

### ***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 08 năm.

### **7. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

### **8. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### **9. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### ***Tiền thuê đất, thuê kho trả trước***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê đất.

### **10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### **11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III kết thúc ngày 31/03/2023 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

### **12. Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

### **13. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động sản xuất và chế biến mía đường. Các sản phẩm còn lại áp dụng thuế suất 20% từ 01/01/2016.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### **15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III kết thúc ngày 31/03/2023 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.509.719.454	529.682.154
Tiền gửi ngân hàng	12.268.490.876	36.595.430.240
Các khoản tương đương tiền	12.776.861.953	10.627.151.130
<b>Cộng</b>	<b>27.555.072.283</b>	<b>47.752.263.524</b>

#### 2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chứng khoán kinh doanh		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
<b>Cộng</b>		

#### 3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn		
<b>Cộng</b>		

#### 4. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng:	126.892.228.993	154.198.074.082
- Công ty TNHH Phương Huy Linh	5.409.506.139	14.054.926.889
- Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam tại Bắc Ninh		57.735.650.700
- CZARNIKOW GROUP LIMITED		15.218.661.244
- Các khoản phải thu khách hàng khác	121.482.722.854	67.188.835.249
Phải thu từ các bên liên quan	2.366.474.287	9.334.787.000
<b>Cộng</b>	<b>129.258.703.280</b>	<b>163.532.861.082</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III kết thúc ngày 31/03/2023 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

### 5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu ngắn hạn khác	20.224.604.368	32.610.817.343
<b>Cộng</b>	<b><u>20.224.604.368</u></b>	<b><u>32.610.817.343</u></b>

### 6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường		8.115.689.151
Nguyên liệu, vật liệu	84.525.371.952	62.154.653.098
Công cụ, dụng cụ	2.484.311.291	2.020.062.728
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	31.107.875.732	19.201.256.662
Thành phẩm	910.393.831.809	479.379.431.632
Hàng hóa	43.294.538.099	75.700.076.948
Hàng gửi bán	10.592.048	
<b>Cộng</b>	<b><u>1.071.816.520.931</u></b>	<b><u>646.571.170.219</u></b>

### 7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.938.451.164	5.830.601.162
<b>Cộng</b>	<b><u>4.938.451.164</u></b>	<b><u>5.830.601.162</u></b>

### 8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	22.161.213.883	5.006.758.720
<b>Cộng</b>	<b><u>22.161.213.883</u></b>	<b><u>5.006.758.720</u></b>

### 9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	8.690.876	11.460.576
<b>Cộng</b>	<b><u>8.690.876</u></b>	<b><u>11.460.576</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III kết thúc ngày 31/03/2023 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất****10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện VT. truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
<b>Số đầu năm</b>	<b>769.117.589.120</b>	<b>2.111.528.601.313</b>	<b>68.568.079.835</b>	<b>22.061.883.989</b>	<b>11.584.266.364</b>	<b>2.982.860.420.621</b>
Tăng trong năm	6.023.979.648	3.875.035.786	4.472.680.000			14.371.695.434
<i>Mua sắm mới</i>	108.223.295	3.145.871.815	4.472.680.000			7.726.775.110
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	5.915.756.353	729.163.971				6.644.920.324
<i>Tăng khác</i>						
Giảm trong năm		(5.058.081.378)	(4.662.754.545)			(9.720.835.923)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>		(5.058.081.378)	(281.454.545)			(5.339.535.923)
<i>Góp vốn vào công ty con</i>						
<i>Giảm khác</i>			(4.381.300.000)			(4.381.300.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>775.141.568.768</b>	<b>2.110.345.555.721</b>	<b>68.378.005.290</b>	<b>22.061.883.989</b>	<b>11.584.266.364</b>	<b>2.987.511.280.132</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
<b>Số đầu năm</b>	<b>339.985.243.901</b>	<b>1.495.024.962.001</b>	<b>56.018.136.028</b>	<b>21.381.458.243</b>	<b>3.418.286.612</b>	<b>1.915.828.086.785</b>
Tăng trong năm	27.007.802.825	132.799.778.099	2.085.777.278	117.820.249	566.798.007	162.577.976.458
<i>Khấu hao trong năm</i>	27.007.802.825	132.799.778.099	2.085.777.278	117.820.249	566.798.007	162.577.976.458
<i>Tăng khác</i>						
Giảm trong năm		(4.053.623.390)	(2.279.484.369)			(6.333.107.759)
<i>Giảm do thoái vốn tại công ty con</i>						
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>		(4.053.623.390)	(225.749.994)			(4.279.373.384)
<i>Giảm khác</i>			(2.053.734.375)			(2.053.734.375)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>366.993.046.726</b>	<b>1.623.771.116.710</b>	<b>55.824.428.937</b>	<b>21.499.278.492</b>	<b>3.985.084.619</b>	<b>2.072.072.955.484</b>
<b>Giá trị còn lại:</b>						
<b>Số đầu năm tại ngày 01/07/2022</b>	<b>429.132.345.219</b>	<b>616.503.639.312</b>	<b>12.549.943.807</b>	<b>680.425.746</b>	<b>8.165.979.752</b>	<b>1.067.032.333.836</b>
<b>Số cuối kỳ tại ngày 31/03/2023</b>	<b>408.148.522.042</b>	<b>486.574.439.011</b>	<b>12.553.576.353</b>	<b>562.605.497</b>	<b>7.599.181.745</b>	<b>915.438.324.648</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III kết thúc ngày 31/03/2023 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

### 11. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
<b>Số đầu năm 01/07/2022</b>	<b>36.921.984.980</b>	<b>15.336.471.192</b>	<b>52.258.456.172</b>
Tăng do mua sắm mới	8.936.214.349		8.936.214.349
Tăng khác			
Thanh lý, nhượng bán			
Giảm khác	(8.936.214.349)		(8.936.214.349)
<b>Số cuối kỳ 31/03/2023</b>	<b>36.921.984.980</b>	<b>15.336.471.192</b>	<b>52.258.456.172</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
<b>Số đầu năm 01/07/2022</b>	<b>2.798.419.586</b>	<b>987.424.575</b>	<b>3.785.844.161</b>
Khấu hao trong năm	220.998.995	1.438.457.988	1.659.456.983
Tăng khác			
Thanh lý, nhượng bán			
Giảm khác			
<b>Số cuối kỳ 31/03/2023</b>	<b>3.019.418.581</b>	<b>2.425.882.563</b>	<b>5.445.301.144</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
<b>Số đầu năm 01/07/2022</b>	<b>34.123.565.394</b>	<b>14.349.046.617</b>	<b>48.472.612.011</b>
<b>Số cuối kỳ 31/03/2023</b>	<b>33.902.566.399</b>	<b>12.910.588.629</b>	<b>46.813.155.028</b>

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Dự án khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	30.366.333.204	30.366.333.204
DA trầm hương	2.727.272.726	2.727.272.726
DA công viên sinh thái tre luồng Tam Thanh	260.149.969.126	238.873.841.363
Dự án nhà máy nước mía cô đặc	47.186.522.063	47.135.141.925
Các công trình khác	46.103.947.621	35.148.972.025
<b>Cộng</b>	<b>386.534.044.740</b>	<b>354.251.561.243</b>

### 13. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào các công ty liên kết

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	38,39%	2.150.000	38,39%	2.150.000
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn – Như Xuân	2%	100.000	2%	100.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III kết thúc ngày 31/03/2023 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Đầu tư dài hạn khác - góp vốn cổ phần</b>	<b>6.251.145.800</b>	<b>6.251.145.800</b>
<i>Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Lam Sơn-Như Xuân</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>1.000.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần thương mại Lam Hà</i>	<i>2.276.500.000</i>	<i>2.276.500.000</i>
<i>Tổng công ty mía đường I - Công ty CP</i>	<i>2.974.645.800</i>	<i>2.974.645.800</i>
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>36.251.145.800</b>	<b>36.251.145.800</b>

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước dài hạn	41.518.037.174	49.112.664.544
<b>Cộng</b>	<b>41.518.037.174</b>	<b>49.112.664.544</b>

**15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	608.247.696.002	568.951.382.208
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	4.000.000.000	13.500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả		
<b>Cộng</b>	<b>612.247.696.002</b>	<b>582.451.382.208</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số phải nộp	3.964.410.165	26.360.414.585
<b>Cộng</b>	<b>3.964.410.165</b>	<b>26.360.414.585</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng:

Đường, mật ri	5%
Sữa gạo, nước mía, điện, dịch vụ cho thuê văn phòng, khách sạn, ăn uống	8%

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III kết thúc ngày 31/03/2023 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất****17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phải trả ngắn hạn	68.517.700.571	51.456.259.609
<b>Cộng</b>	<b><u>68.517.700.571</u></b>	<b><u>51.456.259.609</u></b>

**18. Các khoản phải trả- phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản phải trả phải nộp khác	45.093.809.853	37.497.162.513
<b>Cộng</b>	<b><u>45.093.809.853</u></b>	<b><u>37.497.162.513</u></b>

**19. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng		
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	6.335.000.000	6.335.000.000
Trái phiếu chuyển đổi		
<b>Cộng</b>	<b><u>6.335.000.000</u></b>	<b><u>6.335.000.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III kết thúc ngày 31/03/2023 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất****20. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu****Đơn vị tính: VND**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số đầu năm trước	700.000.000.000	181.855.673.009	(25.442.046.725)	592.614.102.800	52.619.254.839	27.525.980.979	1.529.172.964.902
Lợi nhuận năm trước					44.499.284.446	173.371.861	44.672.656.307
Trích lập các quỹ trong năm trước				2.555.920.437	(2.555.920.437)		
Chia cổ tức năm trước							
Quỹ khen thưởng phúc lợi					(2.555.920.437)		(2.555.920.437)
Thưởng ban điều hành							
Bán cổ phiếu quỹ		9.599.659.792	25.442.046.725				35.041.706.517
Giảm do thoái vốn tại công ty con							
Giảm khác					(14.714.839)		(14.714.839)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>191.455.332.801</b>	<b>-</b>	<b>595.170.023.237</b>	<b>91.991.983.572</b>	<b>27.699.352.840</b>	<b>1.606.316.692.450</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>191.455.332.801</b>	<b>-</b>	<b>595.170.023.237</b>	<b>91.991.983.572</b>	<b>27.699.352.840</b>	<b>1.606.316.692.450</b>
Lợi nhuận trong năm trước	45.479.930.000				(45.479.930.000)		
Thưởng ban điều hành							
Bán cổ phiếu quỹ							
Lợi nhuận trong kỳ					14.734.985.578	1.628.247.019	16.363.232.597
Chia cổ tức							
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi					(4.255.331.014)		(4.255.331.014)
Trích lập quỹ ĐTP				4.255.331.014	(4.255.331.014)		
Tặng giảm khác					239.265.905		239.265.905
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>745.479.930.000</b>	<b>191.455.332.801</b>	<b>-</b>	<b>599.425.354.251</b>	<b>52.975.643.027</b>	<b>29.327.599.859</b>	<b>1.618.663.859.938</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III kết thúc ngày 31/03/2023 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

### *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	745.479.930.000	700.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	191.455.332.801	191.455.332.801
Vốn khác của Chủ sở hữu	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>936.935.262.801</u></b>	<b><u>891.455.332.801</u></b>

### *Cổ phiếu*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	74.550.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	74.547.930	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	74.547.930	70.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	74.547.930	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	74.547.930	70.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Mệnh giá cổ phiếu năm trước 10.000 VND.

### *Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ phát triển khoa học công nghệ được trích lập dùng để đầu tư cho phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ tại doanh nghiệp.

## **21. Nguồn kinh phí và quỹ khác**

### **22.1 Nguồn kinh phí**

<b>Số đầu năm</b>	<b><u>4.828.535.477</u></b>
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	
Chi trong kỳ	<u>3.352.499.975</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.476.035.502</u></b>

### **22.2 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

<b>Số đầu năm</b>	<b><u>24.297.696.786</u></b>
Tăng trong kỳ	
Sử dụng trong kỳ	<u>3.001.298.331</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>21.296.398.455</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III kết thúc ngày 31/03/2023 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM TÀI CHÍNH 2022/2023

#### 1. Doanh thu bán hàng

	Giai đoạn từ 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	406.474.096.351	479.366.345.790
Các khoản giảm trừ doanh thu		374.099.394
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>406.474.096.351</b>	<b>478.992.246.396</b>

#### 2. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn từ 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng bán	357.209.086.001	408.413.657.988
<b>Cộng</b>	<b>357.209.086.001</b>	<b>408.413.657.988</b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn từ 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động tài chính	1.329.434.692	1.202.177.255
<b>Cộng</b>	<b>1.329.434.692</b>	<b>1.202.177.255</b>

#### 4. Chi phí tài chính

	Giai đoạn từ 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí tài chính	10.527.461.871	5.964.175.147
<b>Cộng</b>	<b>10.527.461.871</b>	<b>5.964.175.147</b>

#### 5. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn từ 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	17.120.874.633	35.500.044.450
<b>Cộng</b>	<b>17.120.874.633</b>	<b>35.500.044.450</b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn từ 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.215.385.490	19.477.458.144
<b>Cộng</b>	<b>14.215.385.490</b>	<b>19.477.458.144</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III kết thúc ngày 31/03/2023 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

### VII. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày 30/06/2022 và 31/03/2023 số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	2.921.603.000	2.921.603.000
Công ty CP TM XNK Lam Sơn	Công ty con	2.366.474.287	3.044.265.222
<b>Trả trước cho người bán</b>			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	882.000.000	882.000.000
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	39.503.037.138	3.446.019.638
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	8.504.060.306	8.504.060.306
Công ty TNHH thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	Công ty con		
Công ty TNHH NN CNC mía đường Lam Sơn	Công ty con	3.088.854.129	3.889.292.374
<b>Phải thu dài hạn khác</b>			
Công ty TNHH thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	Công ty con	32.014.472.403	36.302.968.190
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>			
Công ty TNHH thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	Công ty con	-	11.150.000.000

### VIII. BÁO CÁO BỘ PHẬN

#### Theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất đường và các sản phẩm từ đường. Niên độ tài chính từ ngày 01/01/2023 đến 31/03/2023 doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm thu hồi là chiếm tỷ trọng 90% tổng doanh thu bán hàng hợp nhất; doanh thu khác chiếm tỷ trọng 10%. Doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm thu hồi chiếm tỷ trọng chủ yếu. Do đó Công ty không thuyết minh Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính.

#### Theo khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III kết thúc ngày 31/03/2023 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất****IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Từ 01/07/2022- 31/03/2023</b>	<b>Từ 01/07/2021- 31/03/2022</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.363.232.597	20.841.858.507
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mệ	14.734.985.578	19.526.685.329
Số lượng cổ phiếu phát hành	74.547.930	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	74.547.930	70.000.000

**X. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>Tại ngày 01/07/2022</b>
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng số tài sản	%	48,98	38,75
Tài sản dài hạn/ Tổng số tài sản	%	51,02	61,25
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	41,65	36,08
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	57,30	62,84
Lợi ích cổ đông thiểu số/ Tổng nguồn vốn	%	1,04	1,08
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,40	2,77
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,25	1,17
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,03	0,06
<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Từ 01/01/2023- 31/03/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022- 31/03/2022</b>
<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	1,78	2,07
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	1,52	1,63
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	0,68	1,03
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,58	0,81
<b>Tỷ suất LNST của Công ty trên Vốn chủ sở hữu</b>	<b>%</b>	<b>1,01</b>	<b>1,30</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III kết thúc ngày 31/03/2023 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

### XI. GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG SO VỚI CÙNG KỲ

#### 1. Biến động lợi nhuận so với cùng kỳ

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất Quý III kết thúc ngày 31/03/2023 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023) là 8.798.536.636 đồng tăng 22,4% so với cùng kỳ năm 2021/2022, do một số chỉ tiêu cụ thể như sau :

TT	Chỉ tiêu	Từ 01/01 đến 31/03		
		Năm nay (đồng)	Năm trước (đồng)	Tăng giảm(%)
1	Doanh thu thuần về BH và CCDV	406.474.096.351	478.992.246.396	(15,1)
2	Giá vốn hàng bán	357.209.086.001	408.413.657.988	(12,5)
3	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	49.265.010.350	70.578.588.408	(30,2)
4	Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu	12,12%	14,73%	(17,7)
5	Chi phí tài chính	10.527.461.871	5.964.175.147	76,5
6	Chi phí bán hàng	17.120.874.633	35.500.044.450	(51,8)
7	Chi phí quản lý	14.215.385.490	19.477.458.144	(27,0)
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	8.798.536.636	7.189.048.642	22,4

#### Nguyên nhân :

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ Quý III năm 2022/2023 giảm 15,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi giá vốn giảm 12,5%, do đó tỷ suất Lợi nhuận gộp/doanh thu năm nay chỉ đạt 12,12% giảm 17,7% so với cùng kỳ năm trước làm cho lợi nhuận gộp giảm 30,2% so với cùng kỳ năm trước.
- Tuy chi phí tài chính tăng 76,5% so với cùng kỳ năm trước; Nhưng chi phí bán hàng giảm 51,8% và chi phí quản lý giảm 27% so với cùng kỳ năm trước.
- Dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN tăng 22,4% so với cùng kỳ năm trước.

Lập ngày 26 tháng 04 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tú

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương